TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1108/2019/DS-PT
Ngày: 27/11/2019
V/v *Tranh chấp quyền sử dụng đất.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Bá Thịnh

Bà Phan Thị Hằng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Quỳnh Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 504/2019/DSPT ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 482/2019/DS-ST ngày 15/8/2019 của Toà án nhân dân quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5321/2019/QĐPT-DS ngày 31/10/2019 và Quyết định hoãn tòa số 9863/ QĐ-PT ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đào Ngọc H**, sinh năm 1981
Địa chỉ: x TL x, khu phố x, phường H, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đào Văn B**, sinh năm: 1945 – là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 10/8/2015)
Địa chỉ: 147/53 Tân Lập 2, khu phố 6, phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1933

Địa chỉ: Số x đường x, tổ x, khu phố x, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hoài N**, sinh năm 1985 (Văn bản ủy quyền số 14401 ngày 12/7/2019 do Văn phòng Công chứng Đông Thành phố lập).

Địa chỉ: x Tân Mỹ, phường T, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà **Nguyễn Thị Mộng A**, sinh năm 1949 và ông **Đào Văn T**, sinh năm 1950 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: x S, Phường x, quận T B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Bà **Trương Trịnh Hồng T**, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: x T x, khu phố x, phường H, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn- ông Nguyễn Hoài N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Đào Ngọc H ủy quyền cho ông Đào Văn M trình bày:**

Ngày 19/02/1993 ông Đào Văn M là người đứng tên thỏa thuận mua của ông Nguyễn Văn M khu đất tại khu bọng dầu nay là phường Linh Xuân, quận Thủ Đ với giá thỏa thuận là 24,5 lượng vàng 24k, diện tích khoảng gần 2.000 m2 nhưng khi ghi trong giấy tờ đặt cọc ngày 19/02/1993, phần đóng góp mua đất của ông M và bà Nguyễn Thị Mộng A 9,8 lượng vàng (sau này chia thành của bà Q và bà A), ông Phạm Quang T, ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Trọng V là 14,7 lượng. Sau khi nhận đất, các ông bà tách ra làm 05 phần, ở mặt đường số 8 được 4 phần gồm của ông T, ông Đ, ông V, bà Q, mỗi phần khoảng 300 m^2, còn lại 400 m^2 là bà Nguyễn Thị Mộng A và ông M, tổng cộng chỉ được khoảng 1.600 m^2, và ông M đã ký giấy chuyển nhượng đất cho từng người. Do ông M không có hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh nên để bà A đứng tên toàn bộ phần đất của ông và bà A. Năm 2004 bà A làm thủ tục xin và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với phần diện tích 200 m^2, phần còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận khoảng 200 m^2 do ngoài hạn mức. Ngày 26/12/2008 bà A chuyển nhượng toàn bộ phần đất này cho ông Đào Ngọc H theo hợp đồng chuyển nhượng số 31775 tại Phòng công chứng số 3, kèm theo là cả phần đất khoảng 200 m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do không hiểu rõ pháp luật nên ông H cũng chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận đối với phần đất này. Ông H đã trả đủ tiền cho bà A và nhận đất. Khoảng năm 2011 ông M nói gia đình khó khăn nên xin nhờ đất, dựng lều bán buôn để sinh sống, ông H đồng ý nhưng yêu cầu khi nào đòi là phải trả và ông M đồng ý, hai bên không làm văn bản. Nhưng sau đó khi ông H cần vay vốn ngân hàng, ngân hàng đến thẩm định thì ông M nói đất tranh chấp. Ông H đã làm đơn yêu cầu tháo dỡ lều bạt, trả lại đất. Ủy ban nhân dân phường Linh xuân ra quyết định buộc tháo dỡ và tiến hành cưỡng chế, nhưng sau đó gia đình ông M lại dựng

lại, và tiếp theo là đặt chuồng nuôi súc vật như hiện nay. Nay ông H yêu cầu ông M phải tháo dỡ các công trình có kết cấu cọc gỗ, cọc bê tông, mái tôn, mái bạt, cây cối để trả lại toàn bộ phần đất nêu trên theo bản đồ hiện trạng vị trí xác định ranh số 21857/TTĐĐBĐ-CNTĐ ngày 17/8/2018 do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn M ủy quyền cho ông Nguyễn Hoài N trình bày:**

Ông Nguyễn Văn M không thừa nhận việc chuyển nhượng đất cho bà Mộng A như ông M đại diện ông H trình bày. Toàn bộ phần đất này vẫn thuộc quyền sử dụng của ông M. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Đào Ngọc H.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:**

Ông Đào Văn Tám, bà Nguyễn Thị Mộng A vắng mặt nhưng tại biên bản lời khai do ông Đào Văn M đại diện trình bày: Phần đất bà A đứng tên trên giấy chứng nhận là đứng tên cho ông M. Ông bà đã chuyển nhượng lại toàn bộ cho ông H. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Trương Trịnh Hồng Trâm vắng mặt nhưng có lời khai: Bà là vợ của ông Đào Ngọc H, bà thống nhất với ý kiến của ông H

** Bản án dân sự sơ thẩm số 482/2019/DS-ST ngày 15/8/2019 của Toà án nhân dân quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đào Ngọc H

Buộc ông Nguyễn Văn M phải tháo dỡ toàn bộ công trình có kết cấu cọc gỗ, cọc bê tông, mái tôn, mái bạt dựng không phép cùng toàn bộ cây trồng, H màu trên phần đất 401,4 m^2 theo bản đồ hiện trạng vị trí xác định ranh số 21857/TTĐĐBĐ-CNTĐ ngày 17/8/2018 do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập và giao trả toàn bộ phần diện tích đất này cho ông Đào Ngọc H.

Ghi nhận ông Đào Ngọc H hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn M số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sau khi ông M tháo dỡ toàn bộ công trình và bàn giao đất lại cho ông H.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Nguyễn Văn M. Ông Đào Ngọc H không phải chịu án phí, trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006744 ngày 12/11/2015 do Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đ lập.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Ngày 16/8/2019 ông Nguyễn Hoài N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét toàn diện tài liệu chứng cứ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Ý kiến của đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét toàn diện tài liệu chứng cứ là kết luận giám định chữ viết của ông Nguyễn Văn M tại các tài liệu cần giám định của Tòa án là không phải của ông M, nên phù hợp với sự thật vụ án là ông M không ký hợp đồng chuyển nhượng với bà A. Phần đất ông M chuyển nhượng cho ông M, bà A là cùng một vị trí với diện tích là 385 m² nhưng khi tranh chấp Tòa án không đưa ông M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Ngoài ra tại thời điểm chuyển nhượng cũng như quá trình giải quyết tại tòa không xác định được vị trí đất chuyển nhượng, không áp ranh bản vẽ hiện trạng vị trí đất nên không có cơ sở xác định phần đất trước đây ông M chuyển nhượng cho ông M ở vị trí nào nằm trong phần đất 2000 m² thuộc quyền sử dụng của ông M vào năm 1993. Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ ông M để lại cho ông M và bà Bảy và hiện nay có ông Song và bà Son là người đang sử dụng đất này để chăn nuôi chó mèo nhưng Tòa án không đưa những người này tham gia tố tụng. Đề nghị hủy án sơ thẩm

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử tuyên bố nghỉ để nghị án Thẩm phán chủ tọa, Thư ký, Hội đồng xét xử đã T thủ đúng các quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 15/8/2019 Tòa án nhân dân quận Thủ Đ xét xử sơ thẩm. Ngày 16/8/2019 ông Nguyễn Hoài N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng và không xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của đại diện bị đơn trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều có mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Xét trình bày của nguyên đơn tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định nguồn gốc đất tranh chấp tại khu Bọng Dầu nay là phường Linh Xuân, quận Thủ Đ ông Đào Ngọc H nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Mộng A vào ngày 26/12/2008 là của ông Đào Văn M nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn M với giá 25,4 lượng vàng 24k ngày 19/02/1993. Phần đóng góp mua đất là ông M và bà A 9,8 lượng vàng (sau này chia thành của bà Q và bà A); ông Phạm Quang T, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Trọng V, là 14,7 lượng vàng. Sau khi nhận đất, tách ra làm 05 phần, ở mặt đường số 8 được 04 phần, mỗi phần khoảng 300 m², còn lại 400 m² phần của bà A và ông M. Do ông M không có hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh nên ông M nhờ bà A đứng tên dùm toàn bộ phần đất của ông M và bà A. Năm 2004, bà A làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận và được Ủy ban nhân dân quận 9, Thanh phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với phần diện tích 200 m², phần còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận khoảng 200 m² do ngoài hạn mức quy định. Ngày 26/12/2008 bà A chuyển nhượng toàn bộ phần đất này cho ông Đào Ngọc H theo hợp đồng chuyển nhượng số 31775 tại Phòng công chứng số 3, kèm theo là cả phần đất khoảng 200 m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Tại tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông M xác định không chuyển nhượng đất, không ký bán đất cho bà A hay bất kỳ ai. Ông M xác định chữ ký, chữ viết tại đơn xin sử dụng đất cất nhà ngày 24/3/1993, giấy thỏa

thuận về việc bồi thường đất để lập hồ sơ sử dụng đất ngày 19/9/2003, giấy xác nhận bồi hoàn ngày 27/9/2004 đều không phải của ông M viết và ký mà do người khác giả mạo chữ ký, chữ viết của ông M. Tại kết luận giám định số 1281/KLGĐ-TT ngày 8/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (bản photo) kết luận: Chữ viết họ tên Nguyễn Văn M trên tài liệu cần giám định không do một người viết ra.

[5] Xét tranh chấp chuyển nhượng đất giữa ông M và ông M vào năm 1993 và chuyển nhượng đất giữa bà A và ông H năm 2008, các bên xác định phần đất chuyển nhượng có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn M. Theo công văn số 5261/VPĐK-KT ngày 25/4/2011 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hồ Chí Minh xác định tại sổ mục kê ruộng đất tài liệu chỉ thị 02/CT-UB và công văn số 234/CP.ĐKQSDĐ ngày 18/2/2014 thì thửa đất 1100 có diện tích 8.495m2 thuộc tên chủ sử dụng đất là Nguyễn Văn M và Phạm Thị Bảy, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập chứng cứ về thực tế nguồn gốc đất có phải của ông M hay không, hay đất thuộc di sản thừa kế của cha mẹ ông M chết để lại để đưa bà Phạm Thị Bảy vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án để xác định ai là người có quyền chuyển nhượng phần đất này ? Ngoài ra, phía nguyên đơn và bị đơn đều khai hiện nay trên đất tranh chấp có ông Nguyễn Văn Song và bà Nguyễn Thị Son đang quản lý sử dụng đất làm chuồng trại kinh doanh nuôi chim, chó, mèo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Song, bà Son vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là thiếu người tham gia tố tụng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 25/9/2018 của Tòa án cấp sơ thẩm phía nguyên đơn trình bày, khi thực hiện chuyển nhượng phần đất hai bên không xác định diện tích và vị trí cụ thể, chỉ xác định diện tích khu đất khoảng 2000 m² và ranh giới 03 mặt của khu đất giáp đường số 8, hẻm 167, hẻm đất đi vào nhà ông M, phần đất chuyển nhượng tách ra làm 05 phần, ở mặt đường số 8 được 4 phần gồm phần của ông T, ông Đ, ông V, bà Q, mỗi phần khoảng 300 m², còn lại 400 m² là phần của bà A và ông M, tổng cộng thực tế chỉ được khoảng 1.600 m². Tại Thông báo về việc hòa giải tranh chấp không thành ngày 23/4/2015 của UBND phường Linh Xuân, ông M trình bày phần đất chuyển nhượng cho bà A là phần mặt tiền đường số 8, phần chuyển nhượng cho ông M 350 m² kế bên đất bà A cũng là mặt tiền đường số 8, còn phần đất đang tranh chấp ông M không chuyển nhượng. Như vậy hai bên trình bày mâu thuẫn, không thống nhất với nhau về vị trí và diện tích đất đang tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập chứng cứ để xác định phần đất đang tranh chấp có thuộc phần đất mà ông M chuyển nhượng cho ông M vào ngày 19/02/1993 hay không? hay ngoài phần đất tranh chấp, ông M có phần đất nào khác có vị trí ở mặt tiền đường số 8 như ông M đã trình bày hay không, từ đó mới có cơ sở xác định phần đất đang tranh chấp

thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ai? Diện tích sử dụng bao nhiêu mét? Sau khi chuyển nhượng còn lại bao nhiêu mét? Có vị trí tọa lạc tại đâu?

Mặc khác, phía nguyên đơn khai bà A là người đứng tên dùm cho ông M đối với phần đất mà bà A chuyển nhượng cho ông H, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Đào Văn M là chủ sử dụng đất thực tế, là người liên quan trực tiếp đến quá trình chuyển nhượng giữa ông M, bà A và ông M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là thiếu người tham gia tố tụng.

[6] Những sai sót trên của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn M và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

- Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông M được miễn án phí.[6]

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 ;
- Áp dụng Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn M; Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 482/2019/DS-ST ngày 15/08/2019 của Toà án nhân dân Quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

3. Án phí Dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận Thủ Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Quỳnh Châu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Bá Thịnh + Phan Thị Hằng	**Trần Thị Quỳnh Châu**